

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ VH TT&DL ÁP DỤNG HTQLCL
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 180/QĐ-SVHTTDL ngày 10/9/2020
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông)*

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
Thông tin văn bản theo mô hình HTQLCL			
1	Quy trình xây dựng và báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng	QT.HT.01	
2	Quy trình kiểm soát thông tin văn bản dạng tài liệu	QT.HT.02	
3	Quy trình kiểm soát thông tin văn bản dạng hồ sơ	QT.HT.03	
4	Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ	QT.HT.04	
5	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp, hành động khắc phục và cải tiến	QT.HT.05	
6	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT.HT.06	
7	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo	QT.HT.07	
Quy trình quản lý nội bộ			
1.	Quy trình quản lý văn bản đi và văn bản đến	QT.QLVB.01	
2.	Quy trình tạm ứng và thanh toán kinh phí	QT.KHTC.01	
3.	Quy trình mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và quản lý tài sản cố định	QT.KHTC.02	
Quy trình giải quyết Thủ tục hành chính			
I	Lĩnh vực: Thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo		
1.	Quy trình Thanh tra chuyên ngành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	QT.TTr.01	
2.	Quy trình giải quyết đơn thư tố cáo	QT.TTr.02	
3.	Quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu	QT.TTr.03	

4.	Quy trình giải quyết khiếu nại lần hai	QT.TTr.04	
5.	Quy trình xử lý đơn	QT.TTr.05	
Quy trình TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh			
II	Lĩnh vực: Di sản văn hóa		
6.	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	QT.DSVH.UB.01	
7.	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	QT.DSVH.UB.02	
III	Lĩnh vực: Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm		
8.	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	QT.MTNA.UB.01	
9.	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	QT.MTNA.UB.02	
10.	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	QT.MTNA.UB.03	
11.	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	QT.MTNA.UB.04	
12.	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	QT.MTNA.UB.05	
IV	Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn		
13.	Cấp phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	QT.BDNT.UB.01	
14.	Cấp phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	QT.BDNT.UB.02	
15.	Cấp phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	QT.BDNT.UB.03	
16.	Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu	QT.BDNT.UB.04	
V	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở		
a.	Lễ hội		
17.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	QT.LH.UB.01	
18.	Thủ tục thông báo tổ chức Lễ hội cấp tỉnh	QT.LH.UB.02	

b.	Văn hóa cơ sở		
19.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	QT.VHCS.UB.01	
20.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	QT.VHCS.UB.02	
21.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	QT.VHCS.UB.03	
22.	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT.VHCS.UB.04	
VI	Lĩnh vực Gia đình		
23.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.GĐ.UB.01	
24.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.GĐ.UB.02	
25.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.GĐ.UB.03	
26.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.GĐ.UB.04	
27.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.GĐ.UB.05	
28.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.GĐ.UB.06	
VII	Lĩnh vực TDTT		
29.	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	QT. TT.UB.01	
30.	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	QT. TT.UB.02	
VIII	Lĩnh vực Lữ hành		
31.	Thủ tục công nhận điểm du lịch	QT.LH.UB.01	
32.	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	QT.LH.UB.02	

Quy trình TTHC thuộc thẩm quyền của Sở VH TT & DL

I	Lĩnh vực Di sản văn hóa		
33.	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	QT.DSVH.VH.01	
34.	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	QT.DSVH.VH.02	
35.	Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	QT.DSVH.VH.03	
36.	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	QT.DSVH.VH.04	
37.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	QT.DSVH.VH.05	
38.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	QT.DSVH.VH.06	
39.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	QT.DSVH.VH.07	
40.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	QT.DSVH.VH.08	
41.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	QT.DSVH.VH.09	
42.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	QT.DSVH.VH.10	
43.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	QT.DSVH.VH.11	
44.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	QT.DSVH.VH.12	
II	Lĩnh vực Điện ảnh		
45.	<p>Cấp giấy phép phổ biến phim</p> <p>(- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;</p> <p>- Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:</p> <p>+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;</p>	QT.ĐA.VH.01	

	+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)		
46.	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	QT.ĐA.VH.02	
III	Lĩnh vực Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm		
47.	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thảm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và lịch)	QT.MTNA.VH.01	
48.	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	QT.MTNA.VH.02	
49.	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	QT.MTNA.VH.03	
50.	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	QT.MTNA.VH.04	
51.	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	QT.MTNA.VH.05	
52.	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	QT.MTNA.VH.06	
53.	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	QT.MTNA.VH.07	
IV	Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn		
54.	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	QT.NTBD.VH.01	
55.	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	QT.NTBD.VH.02	
56.	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	QT.NTBD.VH.03	
V	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở		

57.	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	QT.VHCS.VH.01	
58.	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	QT.VHCS.VH.02	
59.	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	QT.VHCS.VH.03	
VI	Lĩnh vực Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa		
a	<i>Xuất nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh</i>		
60.	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	QT.XNK.VH.01	
61.	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	QT.XNK.VH.02	
b	<i>Lĩnh vực Nhập khẩu văn hóa phẩm nhằm mục đích kinh doanh</i>		
62.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	QT.NK.VH.01	
63.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	QT.NK.VH.02	
64.	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	QT.NK.VH.03	
VII	Lĩnh vực Thư viện		
65.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	QT.TV.VH.01	
VIII	Lĩnh vực Gia đình		
66.	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	QT.GĐ.VH.01	
67.	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.GĐ.VH.02	
68.	Cấp mới, cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	QT.GĐ.VH.03	
69.	Cấp mới, cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	QT.GĐ.VH.04	
IX	Lĩnh vực Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ		

70.	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	QT.QLVK.VH.01	
X	Lĩnh vực Thể dục, Thể thao		
71.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	QT.TT.VH.01	
72.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	QT.TT.VH.02	
73.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	QT.TT.VH.03	
74.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	QT.TT.VH.04	
75.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	QT.TT.VH.05	
76.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	QT.TT.VH.06	
77.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	QT.TT.VH.07	
78.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taewondo	QT.TT.VH.08	
79.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	QT.TT.VH.09	
80.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	QT.TT.VH.10	
81.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	QT.TT.VH.11	
82.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	QT.TT.VH.12	
83.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	QT.TT.VH.13	
84.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	QT.TT.VH.14	
85.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	QT.TT.VH.15	
86.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	QT.TT.VH.16	

87.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	QT.TT.VH.17	
88.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng	QT.TT.VH.18	
89.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	QT.TT.VH.19	
90.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	QT.TT.VH.20	
91.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	QT.TT.VH.21	
92.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	QT.TT.VH.22	
93.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	QT.TT.VH.23	
94.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	QT.TT.VH.24	
95.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	QT.TT.VH.25	
96.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	QT.TT.VH.26	
97.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	QT.TT.VH.27	
98.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	QT.TT.VH.28	
99.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	QT.TT.VH.29	
100.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	QT.TT.VH.30	
101.	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.TT.VH.31	
XI	Lĩnh vực Lữ hành		
<i>a</i>	<i>Lữ hành</i>		
102.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội	QT.LH.VH.01	

	địa		
103.	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	QT.LH.VH.02	
104.	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	QT.LH.VH.03	
105.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	QT.LH.VH.04	
106.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	QT.LH.VH.05	
107.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	QT.LH.VH.06	
108.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	QT.LH.VH.07	
109.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	QT.LH.VH.08	
110.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	QT.LH.VH.09	
111.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	QT.LH.VH.10	
112.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	QT.LH.VH.11	
113.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	QT.LH.VH.12	
114.	Thủ tục điều chỉnh* Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	QT.LH.VH.13	
115.	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	QT.LH.VH.14	
116.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	QT.LH.VH.15	
117.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	QT.LH.VH.16	

118.	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	QT.LH.VH.17	
119.	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	QT.LH.VH.18	
b	<i>Lưu trú Du lịch</i>		
120.	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	QT.LT.VH.01	
XII	Lĩnh vực Dịch vụ Du lịch khác		
121.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	QT.DL.VH.01	
122.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	QT.DL.VH.02	
123.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	QT.DL.VH.03	
124.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	QT.DL.VH.04	
125.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	QT.DL.VH.05	